

## MÀU VÀNG NƯỚC DVL-2S

### 1. MÔ TẢ:

**DVL-2S** là một loại phẩm màu vàng dạng lỏng được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp giấy. Loại màu này giúp tăng độ sáng màu và độ đều màu của giấy.

### 2. ƯU ĐIỂM:

- Khả năng bám màu tốt, các hạt màu cation dễ hấp phụ lên sợi giấy (mang điện âm), giúp màu dính chắc và đều hơn trên bề mặt giấy.
- Hiệu suất nhuộm cao, tiết kiệm chi phí sản xuất.
- Ít dư lượng màu trong nước thải, giúp việc xử lý nước thải dễ dàng hơn và thân thiện hơn với môi trường.
- Độ bền màu tốt, giấy khó bị phai màu khi tiếp xúc với ánh sáng, độ ẩm hoặc qua quá trình sử dụng lâu dài.
- Tính ổn định cao và thích hợp trong khoảng pH rộng, phù hợp với môi trường phổ biến trong sản xuất giấy.
- An toàn trong quá trình sử dụng và thân thiện với môi trường.

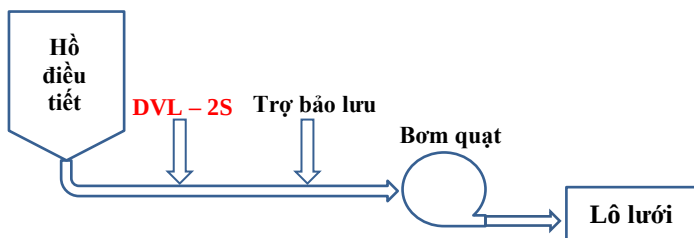
### 3. THÔNG SỐ KỸ THUẬT:

|                               |                              |
|-------------------------------|------------------------------|
| Ngoại quan                    | : Dạng lỏng màu vàng cam đậm |
| Tỷ trọng (g/cm <sup>3</sup> ) | : 1.11 ± 0.04                |
| Tính ion                      | : Cation                     |
| Hoà tan                       | : Tan tốt trong nước         |

### 4. SỬ DỤNG:

- Lượng dùng: Tùy thuộc vào màu của từng loại sản phẩm giấy mà có mức sử dụng khác nhau.
- Cách dùng: Màu nước được sử dụng nguyên chất và có thể pha loãng thêm.
- Sử dụng bơm định lượng bơm trực tiếp nước từ thùng chứa đến điểm sử dụng.
- Điểm cho:
 

Với máy xeo lưới tròn: Dùng bơm định lượng bơm online cấp vào đường ống dẫn dung dịch bột trước bơm quạt, sau thùng điều tiết.



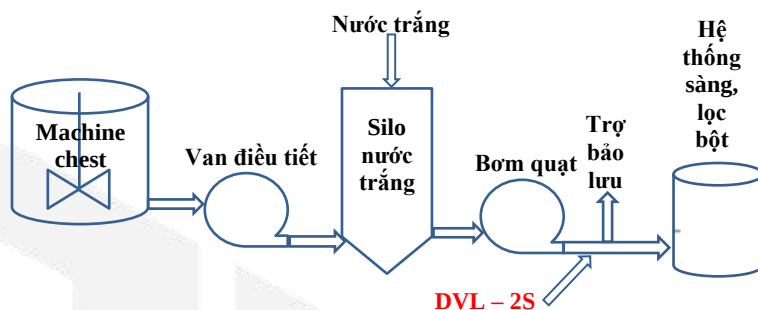
Những thông tin trên đây chỉ mang tính tham khảo. Chúng tôi không thể tiên đoán chính xác hiệu quả ở mỗi điều kiện khác nhau hoặc kết hợp với các phụ gia khác mà nhà máy ứng dụng. Vì thế, chúng tôi không chịu trách nhiệm về kết quả sử dụng có sự thay đổi khác với những thông tin này. Các nhà máy nên sử dụng một khoảng thời gian tối thiểu đủ để đánh giá và xác định điều kiện tối ưu trước khi sử dụng lâu dài để đạt hiệu quả chất lượng giấy cao nhất có thể. Nhân viên của Thuận Phát Hưng sẽ sẵn lòng hướng dẫn khi được yêu cầu.

**Công ty TNHH Thuận Phát Hưng**

**Hotline: 0907 88 78 78**

**www.thuanphathung.com**

Với máy xeo lưới dài: Dùng bơm định lượng bơm online cấp vào đường ống dẫn dung dịch bột sau bơm quạt, trước hệ thống sàn lọc bột của máy xeo giấy.



Lưu ý: để hiệu suất phản ứng tốt nhất, tránh hiện tượng phản ứng cục bộ, gây kết tủa trong hệ thống, điểm châm màu phải trước điểm châm trợ bảo lưu, đảm bảo khoảng cách không quá gần; nên sử dụng cùng hệ màu khi sử dụng kết hợp với màu nước khác.

### 5. BẢO QUẢN VÀ LƯU TRỮ

- Tránh ánh nắng chiếu trực tiếp.
- Đóng chặt nắp và lưu giữ ở nơi thoáng mát (20 – 30°C) nếu không sử dụng.
- Hạn sử dụng: 12 tháng.
- Không sử dụng vỏ thùng đã hết cho mục đích khác.

### 6. XUẤT XỨ VÀ ĐÓNG GÓI

- Đóng gói: 1100 kg/thùng.
- Hình ảnh đóng gói:



- Hoàn tất sản xuất và đóng gói tại **Công ty MK Technology**, Tây Ninh, Việt Nam.

Cần đọc kỹ hướng dẫn sử dụng và tuân thủ các điều kiện an toàn lao động được quy định trên MSDS khi sử dụng sản phẩm.

|                                                                                                             |                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <br><b>Thuận Phát Hưng</b> | <p align="center"><b>PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT</b></p> <p align="center"><b>MATERIAL SAFETY DATA SHEET (MSDS)</b></p> <p align="center">Tên hóa chất: <b>Màu vàng nước Yellow DVL-2S</b></p> |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

| <b>1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------------------------------------------|---------------|------------|--------|-------------------|---------------|----------------|-----------|--------------------------------------------------|-------|------|-----------|------------------|-------|
| <p><b>a) Thông tin sản phẩm:</b><br/> Số CAS: Xem thành phần<br/> Số UN (nếu có): N/A<br/> Số đăng ký EC (nếu có): N/A<br/> Tên thương mại: Màu vàng nước Yellow DVL-2S</p> <p><b>b) Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng:</b><br/> Mục đích sử dụng: Tạo màu cho giấy<br/> Hạn chế khi sử dụng: N/A</p> <p><b>c) Thông tin nhà cung cấp:</b><br/> Nhà sản xuất: Công ty TNHH MK Technology<br/> Địa chỉ : Đường tỉnh lộ 825, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa, Tỉnh Tây Ninh<br/> Nhà phân phối: Công ty TNHH Thuận Phát Hưng<br/> Địa chỉ: 129 Đường A4, Phường Bảy Hiền, TP. Hồ Chí Minh<br/> Điện thoại: (+84) 907 88 78 78</p> <p><b>d) Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:</b> (+84) 907 88 78 78</p>                                                                                                                                  |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| <b>2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| <p><b>a) Phân loại theo GHS:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• H302: Có hại nếu nuốt phải</li> <li>• H319: Gây kích ứng mắt nghiêm trọng</li> <li>• H351: Nghi ngờ gây ung thư</li> <li>• H411 – Độc đối với thủy sinh vật với các tác động lâu dài</li> </ul> <p><b>b) Các yếu tố nhãn theo GHS:</b></p> <div data-bbox="300 1186 592 1281">  </div> <p><b>c) Các thông tin nguy hại khác :</b> Chưa có thông tin</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| <b>3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| <table border="1"> <thead> <tr> <th>Thành phần</th><th>Số CAS</th><th>Công thức hóa học</th><th>Hàm lượng (%)</th></tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Basic Yellow 2</td><td>2465-27-2</td><td>C<sub>17</sub>H<sub>22</sub>ClN<sub>3</sub></td><td>15-20</td></tr> <tr> <td>Nước</td><td>7732-18-5</td><td>H<sub>2</sub>O</td><td>80-85</td></tr> </tbody> </table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |           |                                                  |               | Thành phần | Số CAS | Công thức hóa học | Hàm lượng (%) | Basic Yellow 2 | 2465-27-2 | C <sub>17</sub> H <sub>22</sub> ClN <sub>3</sub> | 15-20 | Nước | 7732-18-5 | H <sub>2</sub> O | 80-85 |
| Thành phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số CAS    | Công thức hóa học                                | Hàm lượng (%) |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| Basic Yellow 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2465-27-2 | C <sub>17</sub> H <sub>22</sub> ClN <sub>3</sub> | 15-20         |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| Nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7732-18-5 | H <sub>2</sub> O                                 | 80-85         |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| <b>4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |
| <p><b>a) Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt (bị văng, dây vào mắt): Rửa mắt liên tục bằng nhiều nước ít nhất 10 phút, nếu có triệu chứng khác thường cần đến bác sĩ chuyên khoa mắt.</li> <li>- Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): Rửa vùng bị dính bằng thật nhiều nước sạch. Ngay lập tức thay áo quần bị nhiễm bẩn.</li> <li>- Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa ra vùng không khí sạch, cần hỗ trợ y tế nếu có triệu chứng khác thường.</li> </ul> <p><b>b) Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này:</b> Chưa có thông tin</p> <p><b>c) Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết:</b> Chưa có thông tin</p> |           |                                                  |               |            |        |                   |               |                |           |                                                  |       |      |           |                  |       |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HÓA HOẠN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <p>a) <b>Các phương tiện chữa cháy thích hợp:</b> Sử dụng nước, bột khô, cacbon dioxit và các vật liệu trợ khác.</p> <p>b) <b>Các chất độc được sinh ra khi bị cháy :</b> Chưa có thông tin</p> <p>c) <b>Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy:</b> Cần có trang phục bảo hộ phù hợp khi chữa cháy.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <p>a) <b>Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:</b> Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ như mặt nạ, quần áo bảo hộ, găng tay, ủng khi xử lý sự cố. Thay áo quần bị nhiễm bẩn, tắm sạch với nhiều nước và xà phòng.</p> <p>b) <b>Các cảnh báo về môi trường:</b> Không được thải trực tiếp vào hệ thống cống rãnh hoặc môi trường. Nếu vô tình thải một lượng lớn vào môi trường nước có thể gây hại cho các sinh vật dưới nước.</p> <p>c) <b>Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố:</b> Dùng dụng cụ nhựa để xúc đổ vào các thùng chứa bằng nhựa, không xả trực tiếp vào nguồn nước.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <b>7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <p>a) <b>Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm :</b> Cần được bảo quản tại nơi khô ráo, mát, thoáng gió, được che mưa, nắng.<br/> <b>Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản :</b> Không bảo quản chung một nơi với các chất không tương thích. Bảo quản ở nhiệt độ phòng.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>8. KIỂM SOÁT PHOI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <p>a) <b>Các thông số kiểm soát :</b> Chưa có thông tin</p> <p>b) <b>Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:</b> Hạn chế tiếp xúc trực tiếp. Không được hít hơi. Đảm bảo đầy đủ không khí sạch trong những phòng kín. Không ăn uống hút thuốc nghỉ ngơi hội họp ở nơi có hoá chất.</p> <p>c) <b>Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:</b><br/> Bảo vệ mắt: Đeo kính hoặc mặt nạ bảo hộ<br/> Bảo vệ thân thể: Mặc trang phục bảo hộ<br/> Bảo vệ tay: Mang găng tay<br/> Bảo vệ chân: Mang ủng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <p>a) <b>Trạng thái vật lý:</b> Lỏng</p> <p>b) <b>Màu sắc:</b> Màu vàng cam đậm</p> <p>c) <b>Mùi đặc trưng:</b> Mùi nhẹ</p> <p>d) <b>Độ pH:</b> 3.5 – 5.5</p> <p>e) <b>Khối lượng riêng (g/cm<sup>3</sup>):</b> 1.11 ± 0.04</p> <p>f) <b>Tính ion:</b> Cation</p> <p>g) <b>Độ hòa tan trong nước:</b> Tan tốt trong nước</p> <p>h) <b>Điểm sôi (°C):</b> Chưa có thông tin</p> <p>i) <b>Điểm nóng chảy (°C):</b> Chưa có thông tin</p> <p>j) <b>Điểm chớp cháy (°C):</b> Chưa có thông tin</p> <p>k) <b>Áp suất hóa hơi (mm Hg):</b> Chưa có thông tin</p> <p>l) <b>Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn:</b> Chưa có thông tin</p> <p>m) <b>Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí):</b> Chưa có thông tin</p> <p>n) <b>Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí):</b> Chưa có thông tin</p> <p>o) <b>Tỷ lệ hóa hơi:</b> Chưa có thông tin</p> |
| <b>10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <p>a) <b>Khả năng phản ứng:</b> Hầu như không xảy ra phản ứng phân hủy trong điều kiện thông thường.</p> <p>b) <b>Tính ổn định:</b> Độ ổn định cao trong môi trường bình thường, chưa có thông tin trong trường hợp đặc biệt.</p> <p>c) <b>Phản ứng nguy hiểm (ví dụ: ăn mòn, cháy nổ...):</b> Chưa có thông tin cảnh báo</p> <p>d) <b>Các điều kiện cần tránh (ví dụ: tĩnh điện, rung, lắc...):</b> Chưa có thông tin</p> <p>e) <b>Vật liệu không tương thích:</b> Chưa có thông tin</p> <p>f) <b>Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy:</b> Chưa có thông tin</p>                                                                                                                                                                  |
| <b>11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <p>a) <b>Thông tin về các đường phơi nhiễm khác nhau (ví dụ: đường thở, tiêu hóa, tiếp xúc mắt/da):</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• LD50 đối với chuột qua đường miệng: 480mg/kg</li> <li>• LD50 đối với chuột khi tiếp xúc qua da: 300mg/kg</li> <li>• LD50 đối với chuột khi tiêm dưới da: 300mg/kg</li> <li>• LD50 đối với vật nuôi dê cừu theo đường miệng: 150mg/kg</li> </ul> <p>b) <b>Các triệu chứng liên quan đến tính độc hại của hóa chất và độc sinh thái:</b> Chưa có thông tin</p> <p>c) <b>Tác hại tức thì, tác hại lâu dài và những ảnh hưởng mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn:</b> Chưa có thông tin</p> <p>d) <b>Liệt kê những thông số về độc tính (ước tính mức độ độc cấp tính):</b> Chưa có thông tin</p> |
| <b>12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <p>a) <b>Độc môi trường (nước và trên cạn):</b> Chưa có thông tin</p> <p>b) <b>Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy:</b> Chưa có thông tin</p> <p>c) <b>Khả năng tích lũy sinh học:</b> Chưa có thông tin</p> <p>d) <b>Độ linh động trong đất:</b> Chưa có thông tin</p> <p>e) <b>Các tác hại khác:</b> Chưa có thông tin</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <p><b>Sản phẩm:</b> Xử lý theo quy định của địa phương và quốc gia..</p> <p>Một số cơ quan có thẩm quyền phụ trách hoặc các công ty xử lý chất thải, các cơ quan này sẽ cho bạn những chỉ dẫn làm sao để hủy bỏ chất thải đặc biệt.</p> <p>Hóa chất hết hạn hoặc mất phẩm chất phải được xử lý, nếu hủy bỏ phải tuân thủ quy định nhà nước hiện hành.</p> <p><b>Bao bì:</b> Hủy bỏ được sự đồng ý của chính quyền địa phương. Xử lý bao bì bị nhiễm bẩn cũng giống như việc xử lý bản thân hóa chất đó. Nếu các điều luật không có qui định khác biệt, bao bì không nhiễm bẩn có thể xử lý giống như chất thải sinh hoạt hoặc tái sử dụng.</p>                                                                                                             |
| <b>14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <p>a) <b>Số hiệu UN:</b> N/A</p> <p>b) <b>Tên phương tiện vận chuyển đường biển:</b> N/A</p> <p>c) <b>Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển:</b> N/A</p> <p>d) <b>Quy cách đóng gói (kg/thùng):</b> 200 hoặc 1100</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Phân loại hàng nguy hiểm cơ bản: Hóa chất này không được quy định.</li> <li>- Vận tải đường bộ: Không được phân loại.</li> <li>- Vận tải đường biển: Không được phân loại.</li> <li>- Vận tải đường không: Không được phân loại.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
| <p>Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất.</p> <p>Quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật hóa chất, Nghị định số 82/2022/NĐ-CP và thông tư số 17/2022/TT-BCT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

#### **16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC**

Ngày tháng biên soạn Phiếu: 06/03/2018

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 05/2025

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: Công ty TNHH Thuận Phát Hưng

Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.